

Bản án số: 193/2022/DS-ST  
Ngày: 23-9-2022  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Công Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phan Văn Hùng; ông Võ Thành Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)  
Địa chỉ: số 151, N, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An;  
Tạm trú: số 56/7, Quốc lộ M, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* 1/ Công ty TNHH MTV gạch không nung B; (vắng mặt)  
Đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh H – Chức vụ: Giám đốc;  
2/ Ông Trần Thanh H (H), sinh năm 1980; (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.  
Chỗ ở: số 43/1 T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty TNHH MTV R; (vắng mặt)  
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc.  
Địa chỉ: Số 47 H, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

2/ Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1980; (vắng mặt)  
Địa chỉ: số 43/1 T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:* năm 2018, do quen biết và tin tưởng theo sự giới thiệu của bạn bè, nên ông có cho ông Trần Thanh H vay số tiền 1.000.000.000 đồng để xây dựng Công ty gạch không nung tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Ông H hứa là sẽ hoàn trả cho ông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30/7/2018 và lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm biên nhận nợ hay giấy tờ gì. Ngày 30/7/2018, ông chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng từ tài số khoản 106868407195, của ông tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An vào số tài khoản 71010001198462, của Công ty TNHH MTV gạch không nung B tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển – Chi nhánh Tiền Giang. Sau khi vay tiền, ông H có cam kết miệng, khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nơi xây dựng công ty sẽ thế chấp vay ngân hàng và khi có được tiền hoàn thuế sẽ trả nợ cho ông. Sau đó, ông H đã vay ngân hàng và có nhận tiền hoàn thuế nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông như đã cam kết. Ông đã nhiều lần điện thoại cho vợ chồng ông H và đến công ty của ông H để yêu cầu trả nợ nhưng ông H không trả nợ và đưa ra nhiều lý do không hợp lý. Nay ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị Thu H và yêu cầu tính lãi. Do đó, ông yêu cầu Công ty TNHH MTV gạch không nung B và ông Trần Thanh H trả lại cho ông số tiền là 1.000.000.000 đồng đồng, hình thức trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn trình bày:* Ông thông nhất việc giữa ông và ông B có quan hệ quen biết với nhau thông qua ông Khuu Tấn Lực là phó giám đốc Công ty TNHH MTV R. Năm 2018, giữa Công ty TNHH MTV gạch không nung B và Công ty TNHH MTV R có hợp đồng kinh tế với nhau, để thi công xây dựng Công ty TNHH MTV gạch không nung B tại ấp X, xã T, thị xã G. Theo hợp đồng thì Công ty B phải chuyển vốn đối ứng cho Công ty R số tiền 1.425.000.000 đồng. Do thiếu vốn nên các bên có thỏa thuận miệng là ông B sẽ chuyển cho Công ty B số tiền 1.000.000.000 đồng, để thanh toán cho Công ty R sau đó giữa Công ty R và ông B sẽ tính toán nợ với nhau. Chứ giữa ông và ông B không có thỏa thuận vay tiền gì như ông B trình bày. Thời điểm đó ông B là tư vấn pháp lý của Công ty R. Do đó ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc trình bày ý kiến, nhưng không có phản hồi và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không thể hiện ý kiến.*

### **\* Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty TNHH MTV gạch không nung B trả số tiền 1.000.000.000 đồng, thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị Thu H và rút yêu cầu tính lãi, không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Hồng có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Về án phí sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn kiện bị đơn có nơi cư trú ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Các đương sự đều thống nhất: Ngày 30/7/2018 ông Nguyễn Thanh B có chuyển khoản vào số tài khoản 71010001198462, của Công ty TNHH MTV gạch không nung B tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển – Chi nhánh Tiền Giang, số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được nội dung lý do chuyển tiền, bị đơn không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: nguyên đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản căn cứ chứng minh là giấy ủy nhiệm chi, không có số, ngày 30/7/2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, ghi tên người trả tiền: NGUYEN THANH BINH; tên người hưởng CÔNG TY TNHH MTV GACH KHONG NUNG BINH KEM; số tiền 1.000.000.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn nhưng thừa nhận có nhận từ

nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng; bị đơn cho rằng việc ông B chuyển tiền cho của công ty TNHH MTV gạch không nung B (công ty B) là do thiếu vốn nên các bên có thỏa thuận miệng là ông B sẽ chuyển cho công ty B số tiền 1.000.000.000 đồng, để thanh toán cho công ty TNHH MTV R (công ty R) sau đó giữa công ty R và ông B sẽ tính toán nợ với nhau. Nhận thấy bị đơn không thừa nhận việc vay tiền nhưng có thừa nhận đã nhận số tiền như nguyên đơn trình bày, nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận gì với công ty R và bị đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn xác định có việc vay tiền giữa các đương sự.

Ông B có yêu cầu trả số tiền đã chuyển khoản nhưng công ty B không thực hiện, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc ông B khởi kiện yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ do chủ thể nhận tiền là công ty B không phải ông H và nguyên đơn không có căn cứ chứng minh là ông H có cùng vay tiền với tư cách cá nhân nên không có căn cứ buộc ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty B có nghĩa vụ trả số tiền 1.000.000.000 đồng.

[2.2] Về thời gian và phương thức trả nợ: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà H và không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu, không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Bị đơn phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.**

Buộc Công ty TNHH MTV gạch không nung B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV gạch không nung B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng Công ty TNHH MTV gạch không nung B còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B về việc yêu cầu bà Phan Thị Thu H liên đới trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả.

**Về án phí sơ thẩm:**

- Hoàn lại ông Nguyễn Thanh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng theo biên lai số 0019234, ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

- Công ty TNHH MTV gạch không nung B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

**Về quyền kháng cáo:** đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Công Triều**